

Kế toán ngoại tệ và


chênh lệch tỷ giá

GV: Nguyễn Kim Nhất

1

Nội dung


- ❖ Một số khái niệm cơ bản
- ❖ Nguyên tắc
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Phương pháp hạch toán



2

Một số khái niệm cơ bản

- ❖ **Đơn vị tiền tệ kế toán:** Là đơn vị tiền tệ được sử dụng chính thức trong việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- ❖ **Ngoại tệ:** Là đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của một doanh nghiệp.
- ❖ **Tỷ giá hối đoái:** Là tỷ giá trao đổi giữa hai đơn vị tiền tệ.
- ❖ **Chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi của cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo các tỷ giá hối đoái khác nhau.



3

Một số khái niệm cơ bản



- ❖ **Tỷ giá hối đoái cuối kỳ:** Là tỷ giá hối đoái sử dụng tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- ❖ **Các khoản mục tiền tệ:** Là tiền và các khoản tương đương tiền hiện có, các khoản phải thu, hoặc nợ phải trả bằng một lượng tiền cố định hoặc có thể xác định được.
- ❖ **Các khoản mục phi tiền tệ:** Là các khoản mục không phải là các khoản mục tiền tệ.

4

Một giao dịch bằng ngoại tệ



- ❖ Là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:
 - Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ;
 - Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ;
 - Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện;
 - Mua hoặc thanh lý các tài sản; phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ;
 - Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc đổi lấy một loại tiền tệ khác.

5

Nguyên tắc 1



- ❖ **Tiền Việt Nam:** Việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một nền và tiền tệ thống nhất là **tiền Việt Nam** hoặc **nền và tiền tệ thống nhất chính thức** sâu đúng trong kế toán (nếu nước chấp thuận) vì vậy phải qui đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc nền và tiền tệ thống nhất sâu đúng trong kế toán

6

Nguyên tắc 2



- ❖ Các khoản mục tiền tệ nhờ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản phải thu, các khoản phải trả, nợ vay có gốc ngoài tệ **khí nhập** (ghi tăng tài khoản tổng ứng) thì ghi theo **tỷ giá giao dịch thời tế** thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Khi **xuất ra** (ghi giảm tài sản tổng ứng) áp dụng một trong các phương pháp xuất như sau:
 - Tỷ giá nhập trước xuất trước
 - Tỷ giá nhập sau xuất trước
 - Tỷ giá bình quân
 - Tỷ giá thời tế đích danh

7

Ví dụ



- ❖ Nộp vào toàn tiền gửi ngân hàng là 1.000 USD, tỷ giá giao dịch (TGGD) 15.000đ/USD, tỷ giá xuất ngoài tệ theo phương pháp nhập trước xuất trước.
 - **Ngày 1:** Mua 1.000 USD chuyển khoản, TGGD là 15.550đ/USD thì kế toán chuyển sang tiền nội tệ Việt Nam là $1.000\text{USD} \times 15.550\text{đ}/\text{USD} = 15.550.000\text{đ}$
 - **Ngày 3:** Bán 1.500 USD chuyển khoản, TGGD là 15.400đ/USD, thì kế toán hạch toán tiền nội tệ là: $1.000\text{USD} \times 15.000\text{đ}/\text{USD} + 500\text{USD} \times 15.550\text{đ}/\text{USD} = 22.775.000\text{đ}$.

8


Nguyên tắc 3



- ❖ Các **khoản mục phi tiền tệ** nhờ hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu, chi phí có gốc ngoài tệ phải qui đổi sang nội tệ Việt Nam theo **tỷ giá giao dịch thời tế** tại ngày giao dịch


9

Ví dụ 2



❖ Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa có giá nhập khẩu là 1.000 USD, TGGD là 15.550đ/USD thì kế toán chuyển sang đồng Việt Nam sẽ ghi nhận giá trị của hàng hóa là $1.000\text{USD} \times 15.550\text{đ/USD} = 15.550.000\text{đ}$


10



❖ Cuối năm tài chính kế toán phải thực hiện năm giá trị các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nhỏ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, phải thu, phải trả theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày lập báo cáo tài chính.

11

Ví dụ




❖ Ngày 31/12, số dư tài khoản 112-TGNH ngoại tệ của doanh nghiệp là 15.500.000đ, chi tiết 1.000USD, số dư tài khoản 331-PTNB là 15.400.000, chi tiết 1.000USD, giá số tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng công bố ngày 31/12 là 15.600đ/USD.

- Kế toán năm giá trị TK 112 tăng lên: $1.000\text{USD} \times (15.600 - 15.500) = 100.000$
- Kế toán năm giá trị TK 331 tăng lên: $1.000\text{USD} \times (15.600 - 15.400) = 200.000$

12


Xử lý chênh lệch tỷ giá



❖ DN trong giai đoạn nào đó xây dựng hệ hình thương mại của doanh nghiệp môi trường, chênh lệch tỷ giá hối đoái **phát sinh** khi thanh toán các khoản mục có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi **nhận giữ lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm** tại chính nước phân hạch kế trên Bảng cân đối kế toán (**Sổ dư TK 413 hệ theo dõi chênh lệch tỷ giá**). Khi TSCN nội địa hình thành sau quá trình nào đó và nội địa vào sổ dư thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình nào đó sẽ nước phân hạch chi phí tài chính hay doanh thu hoạt động tài chính trong thời gian tới là 5 năm.

13


Nguyên tắc 4



❖ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi **nhận giữ lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm** tại chính nước phân hạch ngay **Chi phí tài chính** (chênh lệch giá), **Doanh thu hoạt động tài chính** (chênh lệch tỷ giá) trong tổng kết kinh doanh tổng cộng.

14

Tài khoản sử dụng



❖ Tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá


- TK 4131 – Chênh lệch TGHD đánh giá lại cuối năm tài chính
- TK 4132 – Chênh lệch TGHD trong giai đoạn đầu tư XDCB

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

15

Tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá




TK 413

<p>- Chênh lệch lãi suất do lãi tại các nước khác hoặc chi phí hoạt động tại nước ngoài.</p> <p><u>SD: Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm tài chính hoặc chi phí hoạt động tại nước ngoài.</u></p>	<p>- Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chênh lệch lãi suất các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính cho những doanh nghiệp mua bán hàng xuất nhập khẩu.</p> <p>- Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chênh lệch lãi suất do chênh lệch lãi suất các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động mua bán hàng, giai đoạn trước hoặc sau, chưa hoàn thành hoạt động mua bán.</p> <p><u>SD: Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm tài chính hoặc chi phí hoạt động tại nước ngoài.</u></p>
--	--

16

Tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại




TK 007

<p><u>SD: Số dư ngoại tệ hiện toàn năm kỳ</u></p> <p>Số dư ngoại tệ phát sinh tăng trong kỳ (Tiền mặt ngoại tệ, tiền gửi ngân hàng ngoại tệ)</p> <p><u>SD: Số dư ngoại tệ hiện toàn cuối kỳ</u></p>	<p>Số dư ngoại tệ phát sinh giảm trong kỳ (Tiền mặt ngoại tệ, tiền gửi ngân hàng ngoại tệ)</p>
---	--

17

Mua ngoại tệ



TK 1111,1121	TK 1112,1122
<p>→ TGGD →</p>	

Ghi Nối TK 007: SL Nteã taêng leãn

Doanh nghiệp rút TGNH 15.660.000đ mua 1.000USD nhập quỹ.

18

Bán ngoại tệ

Ghi COÙ TK 007: SL Nteã giãm ñi

Doanh nghiệp toàn quỹ tiền mặt 2.000USD, tự giữ số dư ñĩng ghi số kế toã ñĩn laø 15.500ñ/USD. Vaoi ngayø sau doanh nghiệp baùn 1.000USD ñeã laáy tiền mặt gửi ngân haøng. TGGD laø 15.550ñ/USD.

19

Bán hàng thu ngoại tệ

Ghi Nõi TK 007: SL Nteã taøng leãn

❖ Baùn 2 maùy vi tính thu baøng tiền mặt ngoaïi teã, giá ñĩn voãn 13.500.000ñ, giá baùn chõa theá laø 1.000USD, theá suaát theá GTGT laø 5%, TGGD laø 19.800ñ/USD.

20

Bán hàng chưa thu, thu nợ bằng nte

Ghi Nõi TK 007: SL Nteã taøng leãn

21

Ví dụ

- ❖ Lòã hàng xuất khẩu ñiã làm thuĩ tức xong, giáũ vốn hàng hoĩa 300.000.000ñ, giáũ bán theo hõip ñiãng ngoiĩ thõõng làø 30.000USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5%, thuế GTGT 0%. TGGD làø 19.600ñ/USD, tiền hàng chờ thu. Một tuần sau, nhận ñõõic giáũy bảoũo cũũ của ngân hàng, ngoõõi nhĩp khẩu ñiã thanh toĩn tiền toĩn bã loĩ hàng trên. Tũ giáũ thõĩc teĩ lúc nhận tiền làø 19.580ñ/USD.
- ❖ Soĩ ñõ ñĩu thĩng 1 chỉ tiết TK 131A làø 2.000USD x 19.800ñ/USD. Trong thĩng Cty A thanh toĩn toĩn bã ñĩu thĩng cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản. TGGD làø 19.900ñ/USD.

22

Mua hàng thanh toán bằng ngoại tệ

- ❖ Ñĩu thĩng soĩ ñõ ngoiĩ teĩ toĩn quĩ làø 30.000USD, tũ giáũ ghi soĩ làø 19.950 ñ/USD. Trong thĩng doanh nghiệp mua một soĩ công cũũ ñĩng cũũ nhĩp kho thanh toĩn bằng tiền mãĩt ngoiĩ teĩ 500USD. Tũ giáũ giao ñõch làø 19.920ñ/USD

23

Mua hàng chưa thanh toán, trả nợ

- ❖ Ñĩu thĩng soĩ ñõ ngoiĩ teĩ toĩn quĩ làø 30.000USD, tũ giáũ ghi soĩ làø 19.950 ñ/USD. Trong thĩng doanh nghiệp mua một soĩ công cũũ ñĩng cũũ nhĩp kho thanh toĩn bằng tiền mãĩt ngoiĩ teĩ 500USD. Tũ giáũ giao ñõch làø 19.920ñ/USD

24

Đánh giá các KM tiền tệ cuối kỳ

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ theo giá do NHNN VN Công bố vào cuối niên độ kế toán

TGCK: tỷ giá cuối kỳ là tỷ giá giao dịch lên ngân hàng tại thời điểm cuối năm TC
 TGGS: tỷ giá ghi sổ của doanh nghiệp

25

Cheanh leach ty giau trong giai naoi naoi to (choa hoaïi naoi)

❖ Một DN đang trong giai naoi naoi to, chua ñi vào hoaïi naoi SXKD. Coù caùc giao dòch baêng ngoaii teã:


- Nhaáp thieát bò chua thanh toaùn, ñoã thaúng vào công trình: 200.000USD, ty giau: 19.000ñ/USD.
- Vay ñoã hiãnh NH 400.000USD, nhaáp vào TK TGNH. Ty giau: 19.100ñ/USD.
- Ruút TGNH traú CP to vaán thieát keá: 22.000USD, ty giaughi soã khoaùn nôï naøy laø 19.000 ñ/USD (trong ñoù, VAT laø 2.000USD) ty giau giao dich: 19.200ñ/USD; Ty giau xuaát ngoaii teã của doanh nghiệp 19.000ñ/usd
- Thanh toaùn cho ngóoøi baùn ôu NV1 150.000USD baêng TGNH, ty giau giao dòch 19.150ñ/USD; Ty giau xuaát ngoaii teã của doanh nghiệp 19.000ñ/usd

26

Cheanh leach ty giau trong giai naoi naoi to (choa hoaïi naoi)


- Thueã nhaø thaàu nöøc ngoaii to vaán giaùm saút: 1.500USD (bao goàm VAT 5%) Ty giau giao dòch: 19.280ñ/USD, chua thanh toaùn.
- Vay ñoã hiãnh 200.000USD, ty giau 19.300ñ/USD, nhaáp vào TGNH.
- Ruút TGNH thanh toaùn cho nhaø thaàu nöøc ngoaii: 1.500 USD, ty giau giao dòch 19.350ñ/USD; Ty giau xuaát ngoaii teã của doanh nghiệp 19.100ñ/usd
- Laõi tieãn gôu NH nhaãn baêng TGNH baêng ngoaii teã: 240USD, ty giaugiao dòch 19.250d/USD;
- Cuoái kyø, ñaình giaù laõi soã ño caùc khoaùn muïc ngoaii teã theo ty giau cuoái kyø: 19.300ñ/USD. Bieát soã ño TK 331 ñaàu kyø 22.000 USD; vàø TK 111,112 veà ngoaii teã khoãng coù soã ño.

27

Cheân leäch tyù giàu trong SXKD 

- ❖ SD ñaàu kyø: 1112: 170.000.000 (10.000USD)
1122: 510.000.000 (30.000USD).
- ❖ Caùc NVKT phaùt sinh trong kyø:
 1. Nhaáp khaáu VL chõa thanh toaùn, giàu nhaáp khaáu: 50.000USD, theá nhaáp khaáu phaùï noáp: 1%, VAT haøng nhaáp khaáu:10%. Tyù giàu:17.100ñ/USD.
 2. Xuaát khaáu TP, giàu XK: 40.000USD, chõa thu tieàn.Theá XK phaùï noáp: 1%. Tyù giàu 17.200ñ/USD.

28

Cheân leäch tyù giàu trong SXKD 

3. Chi 2.200USD tieàn maët traù phí kieám toaùn (bao goàm VAT 10%), tyù giàu 17.300ñ/USD.
4. Khaùch haøng thanh toaùn tieàn mua haøng ñu NV2 baèng TGNH, tyù giàu 17.300.
5. Traù cho NB ½ tieàn mua VL ñu NV1 baèng chuyeån khoaùn, tyù giàu: 17.400ñ/USD
6. Baùn 30.000USD TGNH vaø thu baèng tieàn VN gõúi ngaân haøng, tyù giàu 17.500ñ/USD
7. Cuoái kyø, ñieàu chænh soá ñõ caùc TK voán baèng tieàn vaø coâng ñõï ngoaïï teá theo tyù giàu cuoái kyø: 17.500ñ/USD.

29
